

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty Cổ Phần XNK Hàm Rồng.
- 1.2. Địa chỉ: 1028/43 Tân Kỳ Tân Quý, P. Bình Hưng Hòa, Q. Bình Tân, TP HCM
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh /~~Xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác⁽⁺⁾:
- 1.4. Nhãn hiệu: HONDA
- 1.5. Tên thương mại: VARIO 160 CBS
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): ---
- 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 22KXM/323006
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 5839/NECT-M/22/C, ngày 13/9/2022

2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 116 (kg)
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 255 (kg)
- 2.3. Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ: KF01E Loại động cơ: Xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng không khí.
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 156,93 cm³.
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 11,3/8500 kW/rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí~~/ phun nhiên liệu/~~khác~~:⁽¹⁾
- 2.5. Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: ~~Cơ khí~~/Tự động⁽¹⁾
 - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: Vô cấp
 - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số:
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 9,589.
- 2.7. Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 100/80-14 48P áp suất lốp: 225 kPa
 - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 120/70-14 61P áp suất lốp: 280 kPa
- 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 104 km/h

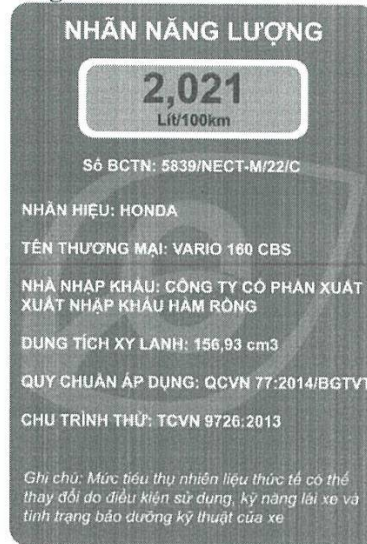
3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

- 3.1. Chu trình thử: ~~TCVN 7357:2010/ TCVN 7358:2010/ TCVN 9726:2013/~~.⁽¹⁾



3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 2,021 l/100km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai



5. Ghi chú (nếu có):

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2022

Công ty Cổ Phần XNK Hàm Rồng



**GIÁM ĐỐC
ĐỖ XUÂN HẢI**

Ghi chú:

(1) Gạch ngang phần không áp dụng.

(2) Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm